

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2026 – 2027

I. Căn cứ pháp lý

1. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
3. Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
4. Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
5. Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 03/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026- 2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
6. Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027;
7. Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng trong toàn quốc từ năm học 2026-2027;
8. Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn;
9. Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026-2027;
10. Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;
11. Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian trong cơ sở giáo dục;
12. Công văn số 5548/BGDĐT-QLCL ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng năm học 2026-2027;



13. Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

14. Thông tư số 48/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

15. Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường phổ thông;

16. Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc và Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc;

17. Quyết định số 4286/QĐ- UBND ngày 14/08/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hà Nội;

18. Kế hoạch số 4773/KH-SGDĐT ngày 09/09/2026 của Sở GDĐT Hà Nội về Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học 2026 – 2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông;

19. Hướng dẫn số 259/HD-THPT NGT ngày 22/8/2026 của Trường THPT Nguyễn Gia Thiều về hướng dẫn thực hiện khung thời gian năm học 2026 – 2027 và các năm học tiếp theo;

20. Hướng dẫn số 334/HD-THPT NGT ngày 11/9/2026 của Trường THPT Nguyễn Gia Thiều về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 – 2027;

21. Nghị quyết số 345/NQ-THPT NGT ngày 25/9/2026 của Hội nghị viên chức, người lao động Trường THPT Nguyễn Gia Thiều;

Trường THPT Nguyễn Gia Thiều xây dựng và ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026 – 2027 cụ thể như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027

1. Thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi - Cơ hội.

- Trường THPT Nguyễn Gia Thiều có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết, tương thân, tương ái, yêu trường, yêu nghề, tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm và sáng tạo, đội ngũ nhân lực lao động của trường là những giáo viên được đào tạo cơ bản, sử dụng tốt khoa học công nghệ để ứng dụng vào quá trình dạy học, đổi mới dạy học.

- Học sinh là những học sinh giỏi của các trường THCS, các em chăm ngoan, nề nếp. Đầu tuyển sinh vào lớp 10 có chất lượng tốt.

- Cha mẹ học sinh quan tâm, giáo dục con em mình tốt, đây chính là môi trường lý tưởng để các em hoàn thiện nhân cách, phát huy sức mạnh, phấn đấu vươn lên nắm bắt tri thức, làm chủ khoa học công nghệ.

- Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo; Đảng ủy, HĐND, UBND phường Bò Đề quan tâm, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị và công tác giáo dục.

b. Khó khăn - Thách thức.

- Hệ thống cơ sở vật chất đã được đầu tư cải tạo, sửa chữa, tuy nhiên còn thiếu phòng học lý thuyết nên chưa đáp ứng nhu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

- Nằm ở phường mới phát triển, tốc độ đô thị hóa cao, trình độ dân trí không đồng đều, kinh tế thị trường tạo nên mặt trái của xã hội đã tác động không nhỏ đến nhân cách, nhận thức của học sinh, phụ huynh và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Học sinh đến từ nhiều địa bàn xa trường, một số học sinh còn gặp khó khăn trong giao thông khi đến trường.

- Khuôn viên Nhà trường còn hạn chế, khu vực để xe thiếu 50% diện tích, đất dành cho các hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ và vườn trường hẹp, chật chội nên sự phát triển toàn diện cho học sinh sẽ bị ảnh hưởng.

- Đời sống vật chất của cán bộ, giáo viên, nhân viên gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp nên chưa thật sự có thời gian đầu tư cho bồi dưỡng chuyên môn, một số giáo viên trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm sư phạm. Tình trạng thừa, thiếu nhân lực xuất hiện ở 1 số môn học, vị trí việc làm.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường

2.1. Đặc điểm về học sinh

Năm học 2026 – 2027, Trường THPT Nguyễn Gia Thiều với quy mô số lớp, số học sinh cụ thể như sau:

Tổng số lớp: 47 lớp với 2203 học sinh (*xem bảng chi tiết khối lớp*); có 1150 học sinh nữ chiếm tỷ lệ 52,2%; có 25 học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 1,1%, trong đó 15 học sinh nữ dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 0,7%; có 31 học sinh khuyết tật, chiếm tỷ lệ 1,4%; có 26 học sinh diện chính sách, chiếm tỷ lệ 1,2%

Khối	Số lớp	Số H.S	H.S lưu ban	Số lớp/ số học sinh								
				N. ngữ 1	Ngoại ngữ LK					Tổng>NNLK	KHTN	Xã hội
					Anh	N	Đ	H	I			
10	17	789		789	32	54	28		184	298	524	265
11	15	720		720	25	51	21		171	268	492	228
12	15	694		694	70	82	27		161	340	448	246
Tổng	47	2203		2203	127	187	76		516	906	1464	739

2.2. Cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Năm học 2026 – 2027 nhà trường có 107 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 03 CBQL, 94 giáo viên (82 biên chế, 12 hợp đồng), có 10 nhân viên (5 biên chế, 6 hợp đồng), nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên là 83 người chiếm tỷ lệ 77,57%.

- Trình độ đào tạo: Thạc sỹ 53; Đại học: 47; Cao đẳng: 1; Trung cấp: 6

- Về cơ cấu giáo viên theo môn: Có 94/94 giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn là 50/94 đạt tỷ lệ 53,19% (*xem bảng chi tiết giáo viên đính kèm*)

- Cán bộ quản lý 03 đạt chuẩn và trên chuẩn và trình độ đào tạo 03 Thạc sỹ), được đánh giá chuẩn chức danh nghề nghiệp loại tốt theo quy định.

- Nhân viên 10 đồng chí (xem bảng nhân viên). Hiện nhà trường còn thiếu 01 nhân viên Thiết bị đồ dùng, thí nghiệm; 01 nhân viên thư viện.

- Tổng số đảng viên: 34 đồng chí.

- Trình độ chuyên môn: GVG cấp tỉnh: ; GVDG cấp huyện: ...; GVG cấp trường:

- Chất lượng đội ngũ đã có sự chuyển biến về tư tưởng, nhận thức, hành động, kỷ cương, nề nếp và chất lượng; có ý thức tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục; tập thể sư phạm đoàn kết, chân tình, chia sẻ giúp đỡ nhau.

a. Cơ cấu giáo viên theo môn

TT	Tổ	môn	Số giáo viên								
			Tổng số	Nữ	Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
								>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán - Tin	Toán	14	10	4	13	1	7	7		
		Tin	4	3	2	4		2	2		
2	Lý – C.nghệ	Lý	9	9	3	7	2	6	1		
		C.nghệ (CN)	2	2	2	2		2			
3	Hóa – Sinh – C.nghệ	Hóa	8	7	5	8		8	1		
		Sinh	6	6	2	6		4	2		
		C.nghệ(NN)	1		0	1		0	1		
4	Xã Hội	Sử	5	4	1	5		3	2		
		Địa	4	4	0	4		3	1		
		GDCD	3	3	2	3		1	2		
		Mỹ thuật	1	1	0	1		1	0		
		Âm nhạc	1	1	0	1		0	1		
5	Ngữ Văn	Ngữ Văn	14	14	8	12	2	10	4		
6	N. ngữ - TD- QP	Ngoại ngữ	13	12	5	10	3	3	10		
		Thể dục	5	0	1	3	2	0	5		
		Quốc phòng	4	3	0	2	2	0	4		
Tổng số			94	79	35	82	12	50	44		

b. Cơ cấu nhân viên theo vị trí việc làm

TT	Bộ phận	Số nhân viên								
		Tổng số	Nữ	Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
							>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Kế toán	1	1		1			1		
2	Thủ quỹ	1	1		1			1		
3	Thư viện	1				1				1
4	Thiết bị									
5	Văn thư	1	1		1			1		
6	Y tế	1			1					1
7	Bảo vệ	4		1	1	3			1	3
8	Phục vụ	1	1			1				1
Tổng số		10	4	1	5	5		3	1	6

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị.

a. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	24	24		

b. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn
1- Vật lý	2	174m ²	X	
Phòng chuẩn bị TH	1	27m ²	X	
2- Hóa học	2	174m ²	X	
Phòng chuẩn bị TH	1	27m ²	X	
3- Sinh học	2	174m ²	X	
Phòng chuẩn bị TH	1	27m ²	X	
4- Công nghệ	1	174m ²	X	
Phòng chuẩn bị TH	1	27m ²	X	
5- Ngoại ngữ	2	114m ²	X	
6- Tin học	2	174m ²	X	
7- Phòng đa năng	2	174m ²	X	
8- Thư viện	1	210m ²	X	
Số lượng sách, tài liệu tham khảo	17 187	x	x	
9- Nhà thể chất	1	470m ²	X	
10- Phòng Y tế	1	30m ²	X	

c- Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: 16 Đạt chuẩn 0 Chưa đạt chuẩn
 + Nhà vệ sinh cho giáo viên: 8 Đạt chuẩn 0 Chưa đạt chuẩn

d. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1- Bàn ghế học sinh	959	724	250
+ Loại 2 chỗ ngồi	959	724	250
2- Bàn ghế giáo viên	43	33	15
3- Bảng	48	38	15
Trong đó: Bảng thông minh	1	1	
4- Máy vi tính	166	166	
Chia ra: + Dùng cho HS	90	90	90
+ Dùng cho Quản lý	8	8	
+ Kết nối Internet	166	166	
4- Số máy in	8	8	
5- Máy chiếu Projecter	9	9	
6- Máy photocopy	2	2	

2.4. Tồn tại, hạn chế :

1. Một số học sinh chưa thật sự chăm học, còn vi phạm nội quy về trang phục, đi học muộn, sử dụng điện thoại không đúng mục đích, vi phạm an toàn giao thông;

2. Công tác giữ gìn vệ sinh, môi trường ở một số lớp chưa tốt, quét lớp, hành lang chưa sạch, có học sinh xả rác không đúng nơi quy định, chưa tiết kiệm điện, giấy, nước khu vực nhà vệ sinh.

3. Một số giáo viên chậm đổi mới phương pháp, nội dung nên hiệu quả giờ dạy chưa đạt được như mong muốn. Nhiều học sinh học lệch, thiếu kiến thức toàn diện.

4. Đời sống vật chất, tinh thần của CB, GV, NV còn gặp khó khăn, thu nhập hạn chế dẫn đến một số CB, GV chưa đầu tư nhiều thời gian cho nghiên cứu, chuẩn bị bài dạy;

5. Trường thiếu phòng học, khu để xe, sân chơi, bãi tập nên công tác giảng dạy gặp khó khăn.

III. Mục tiêu, nhiệm vụ năm học 2026 - 2027

1. Chủ đề năm học

“Đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất”.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ chung

Xây dựng trường học hạnh phúc, trước hết là hạnh phúc của học sinh, hạnh phúc của giáo viên, nhân viên khi được học tập, làm việc trong môi trường an toàn, thân thiện, thương yêu, đoàn kết. Thực hiện tốt nề nếp, kỷ cương và hiệu quả giáo dục. Đẩy mạnh

giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm của công dân đối với xã hội; triển khai đồng bộ nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho học sinh về 4 mặt đức – trí – thể - mỹ. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, nhân viên trong công tác điều hành, giảng dạy và phục vụ. Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá theo sự hướng dẫn của cấp trên. Tạo điều kiện cho giáo viên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông 2018. Phân công lao động, vị trí việc làm đảm bảo đúng theo quy định, phân cấp, phân quyền rõ người, đúng việc, rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ.

2.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; triển khai dạy học 02 buổi/ngày; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn và chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2026-2027.

2.2. Triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách mới của Trung ương và Thành phố về phát triển GDĐT; tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; chủ động cụ thể hóa và thực hiện các cơ chế, chính sách mới; phát huy quyền chủ động, tự chủ và trách nhiệm giải trình của tổ chuyên môn, văn phòng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

2.3. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; phát triển năng lực số, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tăng cường hội nhập quốc tế và triển khai các nhiệm vụ theo lộ trình của Thành phố.

2.4. Tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, thẩm mỹ, hướng nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc, giáo dục hòa nhập; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, hạnh phúc; góp phần xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô.

2.5. Tiếp tục đổi mới quản trị nhà trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hiện dân chủ, kỷ cương, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; thực hiện nghiêm các quy định về dạy thêm, học thêm và các quy định của ngành; phát huy các

phong trào thi đua, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

3. Nhiệm vụ cụ thể

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Căn cứ kế hoạch thời gian năm học của UBND thành phố Hà Nội, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội, các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Chương trình giáo dục phổ thông; điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, đặc điểm học sinh, quy mô nhà trường và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường phải bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với điều kiện thực tiễn; bảo đảm tính khoa học, khả thi, ổn định và hiệu quả; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức.

- Kế hoạch giáo dục nhà trường phải bảo đảm tổ chức thực hiện đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập lựa chọn theo quy định đối; thể hiện rõ phương án tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện của nhà trường, đáp ứng nhu cầu học tập và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT; phương án tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phải được tích hợp trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định.

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT; việc tổ chức các chuyên đề học tập lựa chọn được thể hiện trong kế hoạch dạy học của môn học và phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường. Các tổ chuyên môn căn cứ hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội và các phụ lục hướng dẫn thực hiện chương trình đối với từng môn học, hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Công văn này để xây dựng và tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn trường.

- Xây dựng phương án tổ chức các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường; thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học, chuyên đề học tập phù hợp với năng lực, sở trường, định hướng nghề nghiệp và nguyện vọng của học sinh; bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định trong quá trình học tập.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu và học liệu số; khai thác hiệu quả tài nguyên giáo dục mở, học liệu dùng chung và các nền tảng số phục vụ dạy học; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục phổ thông.

3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tăng cường thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, thảo luận, hợp tác và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Trong quá trình tổ chức dạy học, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; thực hiện việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 4659/SGDĐT-GDPT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT Hà Nội; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu bài học, đặc điểm môn học và đối tượng học sinh; thực hiện hiệu quả dạy học phân hóa, kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, đồng thời tạo điều kiện phát triển đối với học sinh có năng lực, năng khiếu.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học; tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, dạy học gắn với thực tiễn, giáo dục hướng nghiệp; khuyến khích phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, thiết chế văn hóa và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với nội dung chương trình, bảo đảm mục tiêu giáo dục, an toàn, thiết thực, hiệu quả.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học, học liệu và học liệu số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác hiệu quả học liệu số, tài nguyên giáo dục mở và trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học và hỗ trợ học sinh học tập theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm an toàn thông tin, thực hiện đúng các quy định về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

- Thực hiện hiệu quả Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong nghiên cứu chương trình, xây dựng kế

hoạch bài dạy, chia sẻ học liệu, trao đổi kinh nghiệm, phân tích kết quả học tập của học sinh và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

3.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT và Công văn số 249/SGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2025 của Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, trung thực và vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp hợp lý giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, giữa nhận xét và cho điểm phù hợp với đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá; chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực tự học của học sinh; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng hoặc làm bài theo khuôn mẫu.

- Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kế hoạch dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng lực, năng khiếu; đồng thời làm căn cứ tư vấn học tập, lựa chọn môn học, chuyên đề học tập và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường của học sinh; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong quá trình giáo dục.

- Phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá; tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường sinh hoạt chuyên môn để phân tích kết quả học tập của học sinh, thống nhất giải pháp nâng cao chất lượng dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu kết quả học tập của học sinh để phân tích chất lượng giáo dục, theo dõi sự tiến bộ của học sinh và điều chỉnh hoạt động dạy học, quản trị nhà trường; thực hiện đúng quy định về quản lý, lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong kiểm tra, đánh giá.

- Thực hiện nghiêm các quy định về khảo sát, kiểm tra và tổ chức thi thử; không lạm dụng kiểm tra, khảo sát hoặc tổ chức thi thử gây áp lực cho học sinh; không sử dụng kết quả khảo sát, kiểm tra để xếp hạng, so sánh giữa các lớp hoặc tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh; kết quả khảo sát chỉ được sử dụng để đánh giá thực trạng, điều chỉnh hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

3.4. Tổ chức dạy học 5 ngày/tuần

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông; các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, bảo đảm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Trong quá trình thực hiện, lưu ý một số nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học 02 buổi/ngày phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nhu cầu của học sinh; bảo đảm không gây quá tải, không làm phát sinh áp lực học tập và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.
- Nội dung buổi học thứ hai tập trung củng cố, hỗ trợ học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh có năng lực, phụ đạo học sinh còn hạn chế; tăng cường giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số, ngoại ngữ, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ học thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục phù hợp; không tổ chức dạy trước chương trình, không biến buổi học thứ hai thành dạy thêm dưới bất kỳ hình thức nào.
- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, học liệu số; tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hướng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu học tập của học sinh, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông.

3.5. Nâng cao chất lượng ôn tập, chuẩn bị tốt cho Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2027

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ôn tập cho học sinh lớp 12 bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, định hướng của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027 và kết quả đánh giá, khảo sát chất lượng; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục thực chất, kết quả xét tốt nghiệp và định hướng học tập, nghề nghiệp của học sinh sau THPT. Tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát, phân tích kết quả đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và kết quả khảo sát chất lượng để đánh giá đúng thực trạng, xác định những nội dung học sinh còn hạn chế, phân loại đối tượng học sinh; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch ôn tập, lựa chọn giải pháp hỗ trợ phù hợp và điều chỉnh hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ôn tập khoa học, phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh; xác định rõ mục tiêu, nội dung, lộ trình, thời lượng và giải pháp ôn tập; tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế, bồi dưỡng học sinh có năng lực và đáp ứng nhu cầu xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học.

- Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức ôn tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, cấu trúc và định dạng đề thi; tăng cường hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn tập, khai thác hiệu quả học liệu, học liệu số và đề tham khảo; không cắt giảm chương trình chính khóa hoặc dạy học lệch để phục vụ ôn thi.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả ôn tập, kịp thời điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp ôn tập trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá; chú trọng nâng cao chất lượng các môn thi có kết quả còn hạn chế, thu hẹp khoảng cách chất lượng giữa các nhóm học sinh và giữa các lớp học.

- Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh và phân luồng học sinh; hướng dẫn học sinh lựa chọn môn thi, đăng ký dự thi, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, đăng ký xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị liên quan trong hoạt động tư vấn, trải nghiệm nghề nghiệp, giúp học sinh lựa chọn ngành nghề, lộ trình học tập phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực.

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027 theo đúng quy chế và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND thành phố Hà Nội và Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, khách quan, đúng quy định.

3.6. Nâng cao chất lượng dạy học các môn học hoạt động giáo dục

- Đổi mới dạy học Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và các môn thi tốt nghiệp theo hướng phát triển năng lực, vận dụng và giải quyết vấn đề; không dạy học theo mẹo hoặc học thuộc mẫu.

- Tăng thí nghiệm, thực hành, dự án và khai thác dữ liệu trong Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học; phát triển giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học.

- Dạy học Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật gắn thực tiễn, văn hóa, lịch sử Thủ đô, trách nhiệm công dân và các vấn đề phát triển bền vững.

- Tổ chức Nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp thiết thực; phân công giáo viên phù hợp; bảo đảm an toàn hoạt động ngoài nhà trường.

- Phân hóa theo năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp; tăng hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu và phát triển học sinh có năng khiếu.

3.7. Hỗ trợ học sinh lớp 10 và tư vấn lựa chọn môn học

- Tổ chức hoạt động đầu năm giúp học sinh lớp 10 thích nghi với môi trường THPT, phương pháp học tập, yêu cầu môn học và định hướng lựa chọn.

- Rà soát kết quả đầu vào, nhu cầu hỗ trợ, điều kiện học tập và sức khỏe tinh thần; xây dựng kế hoạch phụ đạo, cố vấn học tập và phối hợp gia đình.

- Công khai phương án tổ hợp môn lựa chọn, chuyên đề, điều kiện chuyển đổi; tư vấn dựa trên năng lực, sở thích và định hướng nghề nghiệp, không áp đặt vì thuận lợi xếp lớp.

3.8. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và mô hình dẫn dắt

- Tập trung nâng chất lượng môn học và lớp học có kết quả chưa đồng đều; phát huy lớp có thể mạnh hỗ trợ chuyên môn, chia sẻ học liệu và bồi dưỡng đội ngũ.

- Phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi thành phố, quốc gia và Olympic khu vực, quốc tế; bảo đảm kế hoạch khoa học, cân bằng, chăm sóc sức khỏe và quyền lợi học sinh.

- Triển khai mô hình đánh giá bằng chất lượng đầu ra, hiệu quả đầu tư và mức độ hài lòng của học sinh, phụ huynh học sinh.

3.9. Giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội và sức khỏe tinh thần

- Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất; đa dạng môn thể thao, câu lạc bộ và hoạt động vận động; theo dõi sức khỏe, thể lực và bảo đảm an toàn.

- Phát triển hoạt động nghệ thuật, câu lạc bộ, biểu diễn, sáng tạo và tiếp cận di sản, thiết chế văn hóa của Hà Nội; tạo điều kiện học sinh lựa chọn phù hợp sở thích.

- Lồng ghép giáo dục cảm xúc - xã hội, kỹ năng sống, sức khỏe tinh thần trong môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp và công tác chủ nhiệm.

- Củng cố tư vấn tâm lý, cơ chế phát hiện và hỗ trợ; phòng chống bạo lực, tự gây tổn thương, áp lực học tập và rủi ro mạng; phối hợp gia đình và chuyên gia khi cần thiết.

3.10. Giáo dục hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh và phân luồng học sinh

- Xây dựng chương trình hướng nghiệp theo từng khối; kết hợp tự đánh giá năng lực, trải nghiệm nghề, thông tin thị trường lao động, ngành nghề mới và xu hướng do AI tác động.

- Phối hợp cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và cựu học sinh; tổ chức tư vấn khách quan, không quảng bá đơn vị thiếu kiểm chứng.

- Tư vấn học sinh lớp 12 lựa chọn ngành, trường, phương thức tuyển sinh và lộ trình học tập; chú trọng nhóm khó khăn, tránh chạy theo ngành “nóng” hoặc tâm lý đám đông.
- Theo dõi kết quả sau tốt nghiệp để đánh giá hiệu quả hướng nghiệp và cải tiến kế hoạch giáo dục.

3.11. Triển khai thực hiện Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

Thực hiện Kế hoạch số 259/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội, chủ động xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, từng bước hình thành môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong nhà trường. Các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

a) Rà soát, đánh giá và bồi dưỡng năng lực đội ngũ: Tổ chức rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng chuẩn theo lộ trình Thành phố, ưu tiên giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn KHTN & Công nghệ (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học) có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh. Năm học 2026 – 2027 triển khai thí điểm mỗi tổ/nhóm chuyên môn dạy ít nhất 1 tiết chuyên đề bằng Tiếng Anh trong mỗi học kỳ vào giờ dạy minh họa, cuối học kỳ, năm học đánh giá hiệu quả, kinh nghiệm để làm cơ sở triển khai trong các năm học kế tiếp.

b) Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh toàn diện: Đẩy mạnh các hoạt động giao tiếp, thành lập câu lạc bộ, xây dựng không gian học tập và học liệu song ngữ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu học thuật. Khuyến khích giáo viên và học sinh sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục và sinh hoạt hằng ngày.

c) Tổ chức dạy học một số môn học/chủ đề bằng tiếng Anh: Từng bước triển khai dạy học một số nội dung, chủ đề hoặc môn học bằng tiếng Anh (ưu tiên Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học). Quá trình thực hiện phải bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, phù hợp năng lực học sinh, không gây quá tải.

3.12. Thí điểm triển khai ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI)

a) Triển khai thí điểm và ứng dụng công nghệ: Thí điểm thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình của Kế hoạch 259/KH-UBND. Chủ động xây dựng mô hình phù hợp, tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI), khai thác học liệu chất lượng cao.

b) Tăng cường hợp tác và đánh giá chất lượng: Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức giáo dục, chuyên gia trong và ngoài nước để bồi dưỡng giáo viên, phát triển học liệu và tổ chức giao lưu học thuật. Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Sở GDĐT.

3.13. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh di cư, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Tập trung hỗ trợ điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, đồ dùng học tập, tư vấn tâm lý, bổ sung kiến thức nền tảng và kết nối chính sách an sinh xã hội.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường gắn với quản lý toàn diện học tập và sinh hoạt của học sinh. Kết hợp giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

- Thực hiện giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật theo quy định. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân. Phân công giáo viên phụ trách, tổ chức hỗ trợ phù hợp. Phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục.

3.14. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu và hạ tầng công nghệ thông tin

Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch bổ sung, nâng cấp, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu và hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; ưu tiên các điều kiện phục vụ dạy học 02 buổi/ngày, chuyển đổi số, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện và các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần tập trung các nội dung sau:

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, thiết bị dạy học, học liệu và học liệu số; việc đầu tư, mua sắm, bổ sung thiết bị phải gắn với nhu cầu sử dụng thực tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

- Bảo đảm đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và thiết bị dạy học trước năm học; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; không để học sinh thiếu sách giáo khoa, học liệu trong quá trình học tập.

- Khai thác hiệu quả kho học liệu số, học liệu dùng chung, thư viện số và các nền tảng phục vụ dạy học; tăng cường xây dựng, chia sẻ học liệu trong nhà trường và theo cụm chuyên môn.

- Đối với các trường tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, việc bố trí cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học, phòng học bộ môn và các điều kiện bảo đảm khác phải đáp ứng yêu cầu theo quy định; không mở rộng quy mô tổ chức khi chưa bảo đảm các điều kiện tối thiểu.

3.15. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Chủ động rà soát, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên phù hợp với cơ cấu môn học, quy mô học sinh và kế hoạch giáo dục của nhà trường; xây

dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Phân công giáo viên bảo đảm đúng chuyên môn đào tạo, phù hợp với năng lực và yêu cầu thực hiện chương trình; chủ động đề xuất nhu cầu bổ sung, điều động giáo viên theo quy định khi phát sinh khó khăn về đội ngũ.

- Thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên; chú trọng nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và năng lực quản trị nhà trường.

- Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn và cán bộ quản lý trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT; tăng cường chia sẻ học liệu, hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách và thủ tục hành chính ngoài quy định.

3.16. Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Triển khai thực hiện Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ GDĐT quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường phổ thông; gắn hoạt động bảo đảm chất lượng với đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần tập trung các nội dung sau:

- Tổ chức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định; thực hiện tự đánh giá hàng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài; phát huy kết quả tự đánh giá trong nâng cao chất lượng quản trị và chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, quản lý hồ sơ, minh chứng và dữ liệu phục vụ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục; khai thác hiệu quả kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà trường và nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn, tiêu chí; xây dựng kế hoạch khắc phục kịp thời các nội dung còn hạn chế, bảo đảm duy trì các điều kiện theo quy định, chủ động xây dựng lộ trình thực hiện, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, hồ sơ và minh chứng để thực hiện đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

3.17. Chuyển đổi số trong quản lý, quản trị và dạy học

a) Học bạ số, hồ sơ chuyên môn điện tử và cơ sở dữ liệu ngành

- Đảm bảo 100% các lớp triển khai học bạ số, sổ điểm điện tử và hồ sơ chuyên môn được ký số trong năm học 2026–2027; không duy trì hồ sơ giấy đối với những hồ

sơ đã được số hóa, không phát sinh sổ sách ngoài quy định. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về tính pháp lý của học bạ số và hồ sơ điện tử của nhà trường.

- Đồng bộ dữ liệu học bạ số với Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ GDĐT (Bộ GDĐT) theo Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025, bảo đảm liên thông với cơ sở dữ liệu ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm liên thông với cơ sở dữ liệu ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia; gắn định danh của người học với định danh điện tử (VNeID).

- Rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu về trường, lớp, học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất trước khi khai giảng và thực hiện đồng bộ định kỳ; thống nhất sử dụng một nguồn dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, thống kê và quản lý. Đối với dữ liệu đã có trên hệ thống dùng chung, không yêu cầu cung cấp lại; phân công cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu.

- Xây dựng bảng điều khiển (dashboard) dữ liệu cấp trường kết nối Trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC) của Sở GDĐT (Sở GDĐT) để theo dõi chuyên cần, kết quả học tập, tiến độ thực hiện chương trình và cảnh báo sớm đối với học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc có kết quả học tập sa sút.

b) Kho học liệu số dùng chung và ngân hàng câu hỏi số

- Mỗi tổ, nhóm chuyên môn xây dựng học liệu số bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; mỗi giáo viên đóng góp tối thiểu 01 học liệu số trong mỗi học kỳ (*chỉ tiêu chi tiết do tổ chuyên môn đề xuất*); thẩm định về tính khoa học, sư phạm và bản quyền trước khi đưa vào sử dụng chung.

- Phân đầu kho học liệu số, bài giảng cốt lõi dùng chung đáp ứng khoảng 50% các yêu cầu cần đạt cốt lõi đến hết năm 2026 và 100% đến hết năm 2027 (*chi tiết theo hướng dẫn của Sở GDĐT*); chia sẻ, sử dụng lại học liệu theo cụm chuyên môn; khai thác tài nguyên giáo dục mở và ghi rõ nguồn.

- Xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra số dùng chung theo ma trận và bản đặc tả; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên trên máy tính khi đủ điều kiện, chuẩn bị cho lộ trình đổi mới hình thức thi, kiểm tra, đánh giá.

c) Nền tảng, hạ tầng dạy học số và tài khoản định danh thống nhất

- Vận hành hệ thống quản lý học tập (LMS/LCMS) với tài khoản định danh thống nhất, đăng nhập một lần, khắc phục tình trạng sử dụng tài khoản riêng cho từng phần mềm và dữ liệu bị phân tán; duy trì dạy học trực tuyến hỗ trợ cho dạy học trực tiếp và chủ động phương án dạy học trên môi trường số khi có tình huống bất thường.

- Phát triển thư viện số, phòng học bộ môn số, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng; bảo đảm hạ tầng tối thiểu (Internet ổn định, mạng nội bộ an toàn, thiết bị trình

chiếu tại lớp học, phòng máy tính đạt tỉ lệ học sinh/máy theo quy định) và kế hoạch bảo trì, thay thế thiết bị hằng năm.

d) An toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Thực hiện nghiêm Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và các quy định về an toàn thông tin; ban hành quy định bảo vệ dữ liệu người học; hạn chế thu thập dữ liệu không cần thiết; công khai mục đích, phạm vi sử dụng dữ liệu; phân công đầu mối xử lý sự cố.

- Sao lưu dữ liệu định kỳ; ràng buộc trách nhiệm bảo mật của đơn vị cung cấp dịch vụ trong hợp đồng; không chuyển giao dữ liệu của học sinh, giáo viên cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Các giải pháp nhận diện khuôn mặt, phân tích cảm xúc, giám sát học sinh bằng camera tích hợp trí tuệ nhân tạo (sau đây gọi tắt là AI) triển khai khi đủ cơ sở pháp lý, có đánh giá tác động và sự đồng thuận theo quy định; không triển khai khi chưa đủ điều kiện.

đ) Mô hình trường học số điển hình

- Xây dựng mô hình trường học số điển hình theo bốn thành tố: quản trị số - dạy học số - học liệu số - năng lực số; sơ kết, đánh giá và nhân rộng trong năm học (*chi tiết theo hướng dẫn của Sở GDĐT*).

- Khuyến khích hình thành không gian sáng tạo số, câu lạc bộ công nghệ; gắn chuyển đổi số với đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của học sinh, bảo đảm thiết thực, tránh hình thức, phong trào.

3.18. Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh

a) Triển khai Khung năng lực số theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT

- Phổ biến Khung năng lực số cho người học ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và hướng dẫn tại Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT đến 100% cán bộ quản lý, giáo viên; cụ thể hóa các miền, thành phần năng lực số thành yêu cầu cần đạt theo từng khối lớp.

- Lồng ghép mục tiêu, nội dung phát triển năng lực số trong kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; môn Tin học và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giữ vai trò nòng cốt trong phát triển năng lực số; các môn học và hoạt động giáo dục khác cùng tham gia phát triển năng lực số cho học sinh.

b) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ

- Kiện toàn mạng lưới giáo viên cốt cán về năng lực số và giáo dục AI theo cụm trường; mỗi tổ, nhóm có tối thiểu 01 giáo viên cốt cán.

- Bồi dưỡng phân tầng theo vai trò, môn học và mức độ kinh nghiệm; kết hợp bồi dưỡng trực tuyến, thực hành có hướng dẫn, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và hỗ trợ sau tập huấn. Nội dung tập trung vào khai thác học liệu số; kiến thức cơ bản về AI; thiết kế hoạt động học tập, kiểm tra, đánh giá có ứng dụng AI; kiểm chứng đầu ra của công cụ.

- Phân đầu đến hết năm học 2026–2027, ít nhất 80% giáo viên tự đánh giá đạt mức cơ bản trở lên theo Khung năng lực số (*chỉ tiêu cụ thể do cơ sở giáo dục đề xuất*); đưa yêu cầu về năng lực số vào đánh giá, xếp loại giáo viên, đánh giá thi đua và công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ quản lý.

c) Phát triển năng lực số cho học sinh

- Hình thành và đánh giá năng lực số của học sinh chủ yếu qua sản phẩm học tập và hồ sơ minh chứng điện tử theo yêu cầu cần đạt tại Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT; không tổ chức thành môn học riêng, không tổ chức kỳ thi riêng gây quá tải cho học sinh.

- Chú trọng khai thác thông tin an toàn, tư duy phản biện, kiểm chứng thông tin, ứng xử văn minh trên môi trường số; khuyến khích học sinh tạo sản phẩm số phục vụ học tập và cộng đồng, từng bước chuyển từ việc sử dụng công nghệ sang chủ động tạo lập sản phẩm và giải pháp số phục vụ học tập và cộng đồng.

- Bảo đảm công bằng trong tiếp cận: hỗ trợ học sinh thiếu thiết bị, thiếu kết nối; mở phòng máy tính, thư viện số ngoài giờ chính khóa; không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh phải tự trang bị thiết bị cá nhân hoặc mua tài khoản phần mềm để phục vụ việc học tập.

d) Giáo dục an toàn trên không gian mạng; quản lý việc sử dụng điện thoại thông minh, mạng xã hội và công cụ AI của học sinh

- Ban hành quy định quản lý việc sử dụng điện thoại thông minh, thiết bị số của học sinh: trong giờ học chỉ sử dụng khi được giáo viên cho phép và phục vụ trực tiếp mục đích học tập; quy định rõ trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và sự phối hợp của cha mẹ học sinh.

- Giáo dục an toàn trên không gian mạng: phòng, chống lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trên mạng, tin giả và nội dung sai lệch do AI tạo sinh; bảo vệ thông tin cá nhân; phòng ngừa tình trạng sử dụng quá mức mạng xã hội, trò chơi điện tử và phụ thuộc vào công cụ AI trong học tập.

- Phối hợp với gia đình, cơ quan công an, tổ chức Đoàn Thanh niên trong quản lý, giáo dục học sinh trên không gian mạng; công khai kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh.

3.19. Giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

a) Tổ chức các hình thức giáo dục STEM

Thực hiện đầy đủ ba hình thức tổ chức giáo dục STEM theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT:

- Bài học STEM trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học: học sinh vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn qua hoạt động thiết kế, chế tạo, thử nghiệm.

- Hoạt động trải nghiệm STEM: câu lạc bộ, ngày hội, tuần lễ STEM, tham quan học tập tại cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, giúp học sinh nhận biết sở thích và năng lực của bản thân.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật: dành cho học sinh có hứng thú và năng lực chuyên sâu, trải nghiệm quy trình nghiên cứu gắn với hoạt động của nhà khoa học, kỹ sư.

- Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng về sản phẩm trình diễn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

b) Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh

- Hình thành đề tài từ bài học STEM, chuyên đề học tập và vấn đề thực tiễn học sinh quan tâm; thực hiện đầy đủ quy trình từ xác định vấn đề, xây dựng giả thuyết, lập kế hoạch, xử lý dữ liệu đến thử nghiệm và viết báo cáo; sản phẩm có thể là mô hình, báo cáo nghiên cứu, phần mềm, bộ dữ liệu hoặc giải pháp công nghệ.

- Triển khai theo hai mức: mức cơ bản qua câu lạc bộ nghiên cứu, bồi dưỡng định kì, hội thi cấp trường với đề tài vừa sức, sử dụng thiết bị và vật liệu sẵn có; mức mở rộng có sự phối hợp của giáo viên nhiều môn học và cố vấn của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.

- Chú trọng an toàn thí nghiệm, bảo mật dữ liệu và trung thực học thuật trong ghi chép minh chứng, trích dẫn tài liệu; học sinh sử dụng AI hỗ trợ phải kiểm chứng thông tin và khai báo mức độ sử dụng trong báo cáo. Việc tham gia các cuộc thi khoa học, kỹ thuật là cơ hội giao lưu, phản biện học thuật, không chạy theo giải thưởng.

c) Gắn giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học với định hướng nghề nghiệp

- Hướng dẫn học sinh nhận ra mối liên hệ giữa nội dung học tập với các nhóm ngành, nghề nghiệp; đối chiếu năng lực, sở thích cá nhân với lộ trình học tập sau phổ thông và tổ hợp xét tuyển phù hợp. Khuyến khích học sinh xây dựng hồ sơ năng lực STEM cá nhân (portfolio điện tử) từ lớp 10 đến lớp 12, tích hợp trong hồ sơ minh chứng điện tử.

- Phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và mời cựu học sinh tiêu biểu lĩnh vực STEM chia sẻ, hướng dẫn, tổ chức tham quan, thực nghiệm tại phòng thí nghiệm chuyên dụng; thực hiện theo quy định.

d) Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục STEM

Kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá sản phẩm, ghi nhận cách học sinh hợp tác, giải quyết khó khăn, yêu cầu học sinh tự đánh giá thông qua phiếu tự đánh giá sau mỗi dự án; tạo cơ hội để học sinh trải nghiệm vai trò nhà khoa học, kỹ sư, nhà thiết kế, chuyên viên phân tích dữ liệu.

3.20. Ứng dụng và giáo dục trí tuệ nhân tạo

a) rà soát điều kiện và xây dựng kế hoạch giáo dục AI

- Rà soát mức độ sẵn sàng về đội ngũ, hạ tầng, thiết bị, kết nối Internet, học liệu, công cụ và năng lực hỗ trợ kỹ thuật; báo cáo về Sở GDĐT theo biểu mẫu thống nhất làm căn cứ xác định lộ trình triển khai.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục AI tích hợp trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Phân công rõ trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên Tin học, giáo viên các môn học, đầu mối hỗ trợ kỹ thuật và đầu mối bảo vệ dữ liệu; tổ chức sinh hoạt chuyên môn để thiết kế, thử nghiệm và điều chỉnh các hoạt động giáo dục AI. Không triển khai các hoạt động vượt quá khả năng bảo đảm về đội ngũ, thiết bị, an toàn.

b) Tổ chức nội dung, hình thức giáo dục AI theo mô hình ba tầng

- Bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Khung nội dung giáo dục AI cho học sinh và hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT sau khi được ban hành chính thức; phân định nội dung cốt lõi (đối với mọi học sinh) và nội dung mở rộng (nhà trường chủ động bố trí theo nhu cầu, năng lực học sinh và điều kiện bảo đảm) bảo đảm thời lượng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Kết hợp ba hình thức: chuyên đề giáo dục AI bảo đảm nội dung cốt lõi, bố trí thời lượng linh hoạt tại buổi 2; lồng ghép trong các môn học, hoạt động giáo dục là hình thức chủ đạo; dạy học tăng cường, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa cho nội dung mở rộng. Việc lồng ghép phải giúp học sinh hiểu nguyên lý, nhận biết giới hạn, kiểm chứng đầu ra và đánh giá tác động của AI, không chỉ dừng ở việc sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ.

- Mô hình ba tầng phù hợp đặc thù Thủ đô: tầng phổ cập - dành cho mọi học sinh hoàn thành nội dung cốt lõi và có ý thức sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm; tầng chuyên sâu - dành cho học sinh có năng khiếu, sở trường thông qua hình thức câu lạc bộ, chuyên đề mở rộng, dự án học tập; tầng nâng cao (kiến tạo tài năng) - bồi dưỡng đội tuyển, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm số, tham gia các cuộc thi về AI, Robotics, kết nối với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu.

c) Bảo đảm học liệu và công cụ

- Xây dựng kho học liệu giáo dục AI dùng chung: kế hoạch bài dạy minh họa, nhiệm vụ thực hành, dữ liệu mẫu, tình huống đạo đức - an toàn và tiêu chí đánh giá theo

khối lớp; học liệu, công cụ được rà soát về tính khoa học, sư phạm, bản quyền, độ tuổi sử dụng và quy định về thu thập, sử dụng và bảo vệ dữ liệu.

- Ưu tiên phần mềm nguồn mở, công cụ miễn phí đã được rà soát; khai thác hiệu quả thiết bị sẵn có; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí hoặc phụ thuộc vào một công cụ, một nhà cung cấp.

d) Bảo đảm sử dụng AI an toàn, có đạo đức và trách nhiệm

- Ban hành quy tắc sử dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá trước khi tổ chức nội dung giáo dục AI; học sinh khai báo công cụ, mục đích, phạm vi sử dụng; giáo viên đánh giá quá trình, khả năng giải thích, kiểm chứng và phần đóng góp thực sự của học sinh, không chỉ đánh giá sản phẩm do công cụ tạo ra.

- Không yêu cầu học sinh sử dụng tài khoản cá nhân hoặc công cụ chưa được rà soát; có phương án học tập thay thế cho học sinh thiếu thiết bị, kết nối; không thương mại hóa hoạt động giáo dục; không quảng bá hoặc tạo lợi thế độc quyền cho sản phẩm, nền tảng của một nhà cung cấp trong nhà trường.

- Giáo dục đạo đức AI, tư duy phản biện, bảo vệ dữ liệu, bản quyền và trung thực học thuật xuyên suốt quá trình dạy học; thông tin rõ tới giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh về mục tiêu, công cụ, dữ liệu được sử dụng, quyền lựa chọn và kênh phản ánh.

đ) Ứng dụng AI hỗ trợ giáo viên và công tác quản trị nhà trường

- Khuyến khích giáo viên khai thác AI để thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, cá nhân hóa hỗ trợ học sinh và hỗ trợ chấm bài; bắt buộc kiểm chứng đầu ra trước khi sử dụng. AI không thay thế vai trò và trách nhiệm chuyên môn của giáo viên; giáo viên là người quyết định và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá học sinh.

- Từng bước ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu học tập, cảnh báo sớm học sinh có nguy cơ, hỗ trợ quản trị nhà trường; tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nêu tại điểm d khoản 1 Mục này.

e) Hợp tác, xã hội hóa và định hướng nghề nghiệp lĩnh vực công nghệ chiến lược

- Phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp để hỗ trợ chuyên môn, học liệu và tổ chức hoạt động trải nghiệm trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch về mục tiêu, lợi ích, chi phí và việc sử dụng dữ liệu; không để hoạt động hợp tác làm thay vai trò chuyên môn của nhà trường hoặc tạo phụ thuộc vào một nhà cung cấp.

- Đẩy mạnh hợp tác với Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn Thành phố; tổ chức tham quan phòng thí nghiệm, giao lưu với chuyên gia, hướng dẫn học sinh nghiên cứu.

- Định hướng nghề nghiệp cho học sinh vào các ngành công nghệ chiến lược: AI, vi mạch bán dẫn, dữ liệu lớn, an toàn thông tin, tự động hóa; phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về khoa học, công nghệ, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô.

g) Kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

- Căn cứ bộ chỉ số và biểu mẫu thống nhất của Sở GDĐT ban hành để kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ tại Mục này; Nhà trường đánh giá dựa trên minh chứng từ quá trình học tập, sản phẩm và phản hồi của học sinh, giáo viên, báo cáo về Ban Giám hiệu theo mốc thời gian và biểu mẫu hướng dẫn.

- Kết quả thực hiện chuyển đổi số, phát triển năng lực số và giáo dục AI là một căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học và xếp loại thi đua; chú trọng hiệu quả thực chất, chống hình thức, không tạo áp lực thành tích.

3.21. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và hội nhập quốc tế

- Khai thác học liệu số, nền tảng luyện tập trực tuyến và công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ luyện nghe, nói, phát âm, phản hồi cá nhân hóa cho học sinh; tăng thời lượng tiếp xúc ngôn ngữ trên môi trường số ngoài giờ chính khóa, gắn với việc triển khai Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học tại Mục II.

- Xây dựng, chia sẻ kho học liệu số môn Tiếng Anh và các môn ngoại ngữ khác theo cụm chuyên môn; từng bước hình thành ngân hàng đề kiểm tra số theo định dạng đề thi tốt nghiệp THPT và các chứng chỉ ngoại ngữ thông dụng.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên môi trường số: tổ chức giao lưu, học tập trực tuyến với các cơ sở giáo dục nước ngoài, dự án học tập quốc tế, câu lạc bộ ngoại ngữ trực tuyến; bảo đảm tuân thủ quy định về liên kết giáo dục với nước ngoài, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ theo hướng phát triển năng lực giao tiếp, tăng cường ứng dụng công nghệ số, học liệu số và đa dạng hóa môi trường sử dụng ngoại ngữ; khuyến khích tổ chức các câu lạc bộ, ngày hội ngôn ngữ, không gian song ngữ, hoạt động trải nghiệm, giao lưu học thuật phù hợp với điều kiện của nhà trường.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố về đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; từng bước hình thành môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên, tăng cường các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ, kết nối giáo viên bản ngữ, tình nguyện viên, chuyên gia quốc tế, học sinh và sinh viên quốc tế.

- Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức giáo dục và doanh nghiệp công

nghệ giáo dục nhằm chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao mô hình, phát triển học liệu, bồi dưỡng đội ngũ và tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi giáo viên, học sinh, chuyên gia theo đúng quy định.

- Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực tổ chức dạy học bằng ngoại ngữ cho cán bộ quản lý, giáo viên; khuyến khích tham gia các chương trình bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn, tập huấn trong nước và quốc tế; từng bước phát triển đội ngũ giáo viên có khả năng triển khai dạy học tích hợp, CLIL/EMI và các mô hình giáo dục tăng cường tiếng Anh phù hợp.

- Chủ động xây dựng lộ trình tổ chức dạy học một số nội dung, chủ đề hoặc môn học bằng tiếng Anh; việc triển khai chương trình giáo dục tích hợp, chương trình liên kết giáo dục với nước ngoài phải bảo đảm đúng điều kiện, thẩm quyền và được thẩm định, phê duyệt theo quy định trước khi tổ chức thực hiện.

- Khi thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội; bảo đảm đầy đủ các điều kiện đối với đối tác nước ngoài, chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, hạ tầng số và tài chính; bảo đảm chất lượng giáo dục, quyền và lợi ích hợp pháp của người học.

- Thực hiện công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến chương trình hợp tác, liên kết; tăng cường quản lý dữ liệu, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng và trách nhiệm giải trình; kịp thời tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của học sinh và cha mẹ học sinh theo quy định.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư, xã hội hóa, tài trợ, viện trợ và huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ học liệu, nền tảng, thiết bị, phần mềm, hoạt động giao lưu và bồi dưỡng đội ngũ; việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực phải đúng quy định, công khai, minh bạch, tự nguyện, hiệu quả, không tạo gánh nặng tài chính không phù hợp cho người học, gia đình và nhà trường.

3.22. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi

- Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT năm 2027

- Chọn lọc tổ chức hoặc tham gia các cuộc thi của địa phương theo chủ trương tỉnh giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi nhằm giảm áp lực đối với giáo viên và học sinh theo Công văn số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 về tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2018 và Công văn số 1640/SGDĐT-GDTrH ngày 29/5/2024 của Sở GDĐT về việc thống kê các chương trình, cuộc thi có uy tín trên thế giới.

- Tổ chức lựa chọn học sinh tham gia kì thi học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp quốc gia, quốc tế và Olympic 10, 11 đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng

dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT. Riêng đối với các cuộc thi quốc tế về khoa học và văn hóa mà đơn vị trực tiếp liên hệ tham gia cần tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 3377/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham gia kiểm tra khảo sát (KTKS) học sinh lớp 11, 12 năm học 2026 -2027 do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức KTKS ít nhất 2 lần/năm học vào đầu học kỳ II và cuối học kỳ II(không trùng với kỳ KTKS của Sở GDĐT). Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT năm 2027.

3. Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi các môn: Lịch sử, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật bảo đảm tính trung thực, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và thực chất; đúng quy định của chính sách, pháp luật của Nhà nước và Ngành.

3.23. Phòng, chống dịch bệnh trong trường học

- Phối hợp chặt chẽ với Y tế phường Bồ Đề để hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý trong trường học.

- Nhân viên y tế bảo đảm trang thiết bị y tế, vệ sinh môi trường và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; rà soát, bổ sung kịp thời các vật dụng cần thiết bảo đảm an toàn cho học sinh khi học tập tại trường.

- Kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm trong nhà trường để thực hiện phương án xử lý theo quy định.

IV. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

1. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

- Tiếp tục đổi mới quản trị nhà trường theo hướng phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, kỷ cương; lấy chất lượng giáo dục và sự tiến bộ của học sinh làm trung tâm. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và các nguồn lực; bảo đảm an toàn và chất lượng hoạt động của nhà trường theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Tăng cường quản trị dựa trên dữ liệu và minh chứng. Khai thác, phân tích, sử dụng dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần của học sinh; đội ngũ; cơ sở vật chất, thiết bị; kết quả kiểm tra, đánh giá; phản ánh, kiến nghị của học sinh, cha mẹ học sinh và giáo viên để xác định thực trạng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công đội ngũ, hỗ trợ học sinh và thực hiện cải tiến chất lượng.

- Phát huy vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên trong quản trị chất lượng; khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục, đề xuất giải pháp chuyên môn, phân tích kết quả học tập và cải tiến hoạt động giáo dục; hạn chế hành chính hóa hoạt động chuyên môn, không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về dân chủ, công khai trong hoạt động; công khai đầy đủ các nội dung theo quy định, nhất là chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng, các khoản thu, sử dụng nguồn lực và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh; thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình của người đứng đầu.

2. Bảo đảm an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương trường học

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường; tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại học sinh, tai nạn, thương tích, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn xã hội và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống mất an toàn. Tăng cường tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; chủ động phát hiện, tư vấn và hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, áp lực học tập hoặc nguy cơ trên môi trường số.

3. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

- Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT; Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ GDĐT và Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố. Nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường, tăng cường hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt; không ép buộc học sinh học thêm hoặc lợi dụng hoạt động dạy thêm, học thêm để thu các khoản trái quy định.

- Việc tổ chức dạy học 02 buổi/ngày thực hiện theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức dạy học 02 buổi/ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh và Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ

GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông; không biến buổi học thứ hai thành hoạt động dạy thêm, học thêm trái quy định.

- Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, các khoản thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và các hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định.

- Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng sách, tài liệu, xuất bản phẩm tham khảo theo Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và Công văn số 3182/SGDĐT-GDTrH ngày 18/9/2024 của Sở GDĐT Hà Nội về việc sử dụng sách, xuất bản phẩm tham khảo trong cơ sở giáo dục. Tổ chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung tài liệu sử dụng trong dạy học; không để xuất bản phẩm có nội dung vi phạm chủ quyền quốc gia, truyền thống văn hóa, thuần phong mỹ tục Việt Nam đưa vào sử dụng; không ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua sách, tài liệu tham khảo.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và các quy định của ngành; tập trung vào các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi của học sinh, chất lượng giáo dục và các điều kiện bảo đảm. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn; tập trung vào những lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc có phản ánh kéo dài; kết hợp kiểm tra với hướng dẫn, hỗ trợ, chấn chỉnh và tháo gỡ khó khăn.

- Tập trung kiểm tra việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; kiểm tra, đánh giá học sinh; dạy thêm, học thêm; tuyển sinh; chuyển trường và tiếp nhận học sinh theo Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 12/8/2022 của Bộ GDĐT hợp nhất Quyết định ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học; các khoản thu, chi, tài trợ.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra hoạt động dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong theo Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ; việc thực hiện chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục của nước ngoài và liên kết giáo dục với nước ngoài theo các quy định hiện hành và Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội quy định việc liên kết giáo dục với nước ngoài; bảo đảm đúng điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, chất lượng giáo dục và quyền lợi của người học.

- Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị liên quan đến hoạt động giáo dục; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả thực hiện các chủ trương đổi mới giáo dục và các chính sách liên quan đến học sinh, giáo viên, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

5. Tăng cường cơ sở vật chất

- Tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng quy định về mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy học. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn, nhất là vốn đầu tư công bảo đảm hiệu quả, đúng quy định. Tăng cường nguồn lực xã hội hoá đầu tư cho giáo dục về chuyển đổi số, công nghệ thông tin; đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt khi thực hiện chương trình.

- Bảo đảm phòng học và phòng chức năng phù hợp với các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục trung học; tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm chất lượng việc dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Giáo viên tăng cường sử dụng kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử của ngành; tổ, nhóm xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

6. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn Hiệu trưởng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên hàng năm với các chủ đề trọng điểm, trọng tâm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục.

- Phối hợp với các trường sư phạm, chuyên gia giáo dục trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của nhà trường. Phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán để triển khai bồi dưỡng giáo viên thường xuyên ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Phối hợp chặt chẽ với phòng Giáo dục trung học, các trường trong cụm, tổ chức hiệu quả các tiết dạy minh họa. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các

môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

7. *Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng*

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. Phát động các phong trào thi đua chào mừng ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, ngành; tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “Nguyễn Gia Thiều đẹp, chưa đẹp”; “ Nghĩ kỹ, nói chậm, hành động ngay” trong toàn trường nhằm xây dựng trường THPT Nguyễn Gia Thiều trở thành trường học hạnh phúc; có môi trường xanh – sạch – đẹp, tạo phong cách nói lời hay hành động đẹp, xây dựng khối đại đoàn kết trong tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Xây dựng, ban hành quy chế, kế hoạch thi đua nhằm cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

- Hội đồng Thi đua – khen thưởng thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

V. *Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục*

1. *Khung thời gian năm học:* 35 tuần (*học kỳ 1: 18 tuần, học kỳ 2: 17 tuần*)

(Xem phụ lục II đính kèm)

2. *Chương trình các môn học*

(Xem phụ lục III.1, 2.3 đính kèm)

VI. *Các chỉ tiêu phấn đấu trong năm học*

1. *Chỉ tiêu về dạy học và hoạt động giáo dục*

- Xếp loại văn hoá: Tốt = 92,8%; Khá = 6,95%; TB= 0,25%

- Xếp loại hạnh kiểm: Tốt = 99,8%; Khá = 0,2%

2. *Chỉ tiêu về Đoàn thể (Đảng, Đoàn)*

- Đảng bộ xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Trường được công nhận tập thể lao động xuất sắc. đề nghị UBND Thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc.

- Đoàn thanh niên được Trung ương đoàn tặng bằng khen

3. *Các chỉ tiêu khác*

- Có giáo viên đạt giải giáo viên dạy giỏi cấp thành phố

- Học sinh giỏi quốc gia: có học sinh tham gia đội tuyển dự thi quốc gia

- Học sinh giỏi thành phố: 42 giải
- Học sinh đạt giải Olympic cụm 05: 95% học sinh đạt giải
- TDTT: Có từ 1 – 2 Huy chương cấp thành phố
- NCKH; KHKT: có ít nhất 1 đề tài cấp thành phố, 2 đề tài cấp cụm
- Các kì thi khác: Tham gia tất cả các cuộc thi do Sở GD&ĐT tổ chức và đạt giải

4. Công tác tổ chức cán bộ, bồi dưỡng thường xuyên

a. Công tác tổ chức

- Ngày công cao đạt 99%, không có tiết dạy bị bỏ trống. 100% thực hiện chấm công tự động.

- Rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quy hoạch chiến lược cán bộ cấp trường, tổ
- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, năm của cán bộ, viên chức, người lao động đảm bảo kịp thời, chính xác, công bằng, dân chủ, công khai.

b. Công tác bồi dưỡng thường xuyên

- Chọn, cử giáo viên cốt cán, giáo viên, nhân viên tham gia 100% các buổi bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức, đảm bảo đúng thành phần, đối tượng.

- Tổ chức bồi dưỡng tại trường: Tổ chức 5 chuyên đề trong năm học
- + Chuyên đề 1: Nhà giáo với thực hiện pháp luật về giáo dục
- + Chuyên đề 2: Ứng dụng AI trong giảng dạy
- + Chuyên đề 3: Phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh
- + Chuyên đề 4: Văn hóa ứng xử trong nhà trường
- + Chuyên đề 5: Khung năng lực số
- Tổ chức BDTX tại tổ chuyên môn, công tác
- + Mỗi tổ xây dựng và triển khai mời chuyên gia giảng dạy, bồi dưỡng 1 chuyên đề cấp tổ. Hàng tháng, mỗi môn học xây dựng và triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, chú trọng đến các nội dung bài dạy, chủ đề khó để cả tổ cùng xây dựng giáo án, thảo luận phương pháp dạy học.

+ Hội thảo về phương pháp xây dựng ma trận đề kiểm tra, đánh giá.

5. Công tác thi đua

- Tổ chức kí giao ước thi đua giữa các tổ chuyên môn, công tác với Ban Giám hiệu
- Giáo viên, nhân viên, học sinh kí giao ước thi đua với tổ, Đoàn Thanh niên về thi đua thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 -2027;

- Triển khai các chương trình “*Nguyễn Gia Thiều đẹp và chưa đẹp*”; chương trình “*Nghĩ kỹ, nói chậm, hành động ngay*”; Học sinh thực hiện chương trình “*Xin chào, xin lỗi và xin cảm ơn!*”

6. Chuyển đổi số

- Quản lý sổ sách, hồ sơ 100% không dùng bản giấy
- Quản lý học bạ, sổ điểm điện tử
- Ứng dụng bài dạy đạt 50% sử dụng CNTT

Căn cứ Kế hoạch năm học, Ban Giám hiệu tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể đối với từng lĩnh vực, nhiệm vụ để chỉ đạo điều hành; các tổ chuyên môn, công tác xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị và trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2026 – 2027 của trường THPT Nguyễn Gia Thiều. Đề nghị các tổ chuyên môn, công tác; cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nghiên cứu, triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với Ban Giám hiệu để được hỗ trợ, giải quyết kịp thời ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội (b/c)
- Đ. ủy;BGH (để chỉ đạo)
- Các tổ CM, VP, ĐTN;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trung Kiên

PHỤ LỤC I
LỊCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 – 2027
(Ban hành kèm theo kế hoạch số/KH-THPT NGT ngày/9/2026 của trường THPT Nguyễn Gia Thiều)

Tháng	Nội dung nhiệm vụ chính	Thực hiện
9/2026	- Tụ trường (29/8/2026); Lễ Khai giảng (5/9/2026) - Phân công chuyên môn, nhiệm vụ; xây dựng các kế hoạch và triển khai học tập, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 -2027 - Rà soát các văn bản về quy chế, quy định đã ban hành theo quy định để tiếp tục thực hiện trong năm học 2026 -2027 - Kiện toàn công tác tổ chức đầu năm học - Tổ chức các hoạt động tập thể đầu năm, hoạt động GDTN,HN - Tổ chức cho HS, CMHS kí các cam kết đầu năm - Triển khai các hội nghị đầu năm: Hội nghị GVCN; Hội nghị cán bộ, viên chức; Hội nghị đại biểu CMHS; Đại hội Đoàn TN; - Thi học sinh giỏi K12 cấp Thành phố (Sở sẽ có văn bản riêng) - Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ; - Kiểm tra hồ sơ chuyên môn, dự giờ - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 9/2026 - Đăng kí thi đua, đề tài NCKH, SKKN - Chung kết “Giải chạy Báo HNM” cấp Thành phố - BDTX CĐ 1: Nhà giáo với thực hiện pháp luật về giáo dục	BGH, Liên tịch BGH, Tổ,GV BGH, Liên tịch Đảng ủy, BGH Ban GDĐĐ,CN GVCN BGH, CĐ, ĐTN Ban ĐD CMHS BGH, TCM Đảng ủy,TTCM BGH, TTCM Liên tịch,TCM Tổ CM,BGH, GV BGH, Nhóm TD BGH
10/2026	- Tổ chức hoạt động ngoại khoá: K12 thăm Lăng Bác và BT HCM - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Tự đánh giá, kiểm định chất lượng - Chuyên đề 2: Ứng dụng AI trong giảng dạy - Tổ chức HĐTN về tuyên truyền Luật ATGT và kỹ năng lái xe an toàn - Hội thi GVG cấp trường môn Lịch sử, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tổ chức hoạt động chào mừng 20/10 - Công khai quyết toán tài chính quý III/2026 - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 10/2026 - Duyệt kế hoạch hoạt động của các CLB; hoạt động NGLL - Kiểm tra hồ sơ tổ, nhóm trưởng - Tổ chức Ngày hội ngôn ngữ; - Tích hợp giáo dục phòng chống tham nhũng - Liên tịch giao lưu, trao đổi kinh nghiệm quản trị với đơn vị kết nghĩa	GVCN,nhóm sử Đảng ủy,BGH,TT HĐ tự đánh giá BGH Ban GDĐĐ,CN BGH, tổ HS,XH Ban đời sống Kế toán BGH, LT BGH, ĐTN Ban KTNB BGH, ĐTN Nhóm KT&PL12 Liên tịch
11/2026	- Tổ chức hoạt động NGLL - Tổ chức hoạt động chào mừng 20/11; - Kiểm tra giữa kỳ I (Sẽ có văn bản riêng) - Hội thi GVG cấp Cụm môn Lịch sử, Sinh học, Giáo dục KT&PL - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Tổ chức HĐTN về “GD giới tính và SKSS vị thành niên” K10,11; Hoạt động ngoại khóa chủ đề “ Bảo vệ thiên nhiên và môi trường” tại Mộc Châu - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 11/2026 - Hội nghị GVCN lần thứ II, - Kiểm tra hồ sơ giáo viên - BDTX chuyên đề 3: Phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực,	Ban GDĐĐ,CN BGH, BDS, LT BGH, TCM BGH, tổ HS,XH Đảng ủy,TTCM Ban GDĐĐ,CN Ban ĐD CMHS Liên tịch,TCM BGH, GVCN Ban KTNB, GV BGH

	phẩm chất học sinh - Đoàn thanh niên; tổ CM giao lưu với đơn vị kết nghĩa	ĐTN, TTCM
12/2026	- Tổ chức hoạt động GDTN,HN; GDĐP; hoạt động giáo dục truyền thống nhân ngày 22/12 - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Kiểm tra học kỳ I (Sẽ có văn bản riêng) - Tổ chức HĐTN về “ GD kỹ năng phòng, chống bạo lực học đường, TNXH”; K11 tham quan, học tập tại Hoàng thành TL - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 12/2026 - Thi đấu TDTT cấp thành phố - Thông qua đề tài NCKH, SKKN - Kiểm kê tài sản, thiết bị	Ban GDĐĐ,CN Đảng ủy,TTCM BGH, TCM Ban GDĐĐ,CN GV Sử Liên tịch,TCM Nhóm TD Tổ CM, GV BGH, TCM,VP
01/2027	- Tổ chức hoạt động GDTN,HN; GDĐP; chào mừng 9/01 - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Thi HSG quốc gia (theo kế hoạch của Bộ GDĐĐT và Sở GDĐT) - Sơ kết học kỳ I; Nộp báo cáo HKI về Sở GDĐT trước ngày 10/01/2027; - Bốc thăm lịch thi GVG cấp thành phố (theo kế hoạch của Sở GDĐT) - Tổ chức HĐTN về giáo dục PCCC và kỹ năng thoát hiểm; K10 tham quan, học tập tại BTLS quốc gia; - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 01/2027 - Thi đấu TDTT cấp thành phố - Hội Nghị GVCN lần thứ III, kiểm tra hồ sơ GVCN - Kiểm tra khảo sát chất lượng lần thứ I (Sẽ có văn bản riêng) - Công khai quyết toán tài chính năm 2026, XD dự toán năm 2027 - Thi HSG vòng 1, 2 và bồi dưỡng HSG 10,11 - BGH làm việc với các Trung tâm về ngoại ngữ liên kết	Ban GDĐĐ,CN Chi ủy,TTCM PHT; TCM HT, TKHĐ GV dự thi Ban GDĐĐ,CN Nhóm GV sử Liên tịch Nhóm GV TD BGH,GVCN BGH,TTCM Kế toán BGH,TCM BGH
02/2027	- Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Chuẩn bị đón Tết Nguyên đán; hoạt động thiện nguyện; Phát động thi đua “ Mừng Đảng – Mừng Xuân”, Tết trồng cây - Thi GVG cấp thành phố - Bồi dưỡng HSG 10,11 - Hội đồng khoa học xét, thông qua kết quả NCKH, SKKN - BDTX chuyên đề 4: Văn hóa ứng xử trong nhà trường - Du xuân 2027; Chúc mừng cựu giáo chức tuổi 70, 80,90 - Kiểm tra thư viện tiên tiến, - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 02/2027 - Thi đấu TDTT cấp thành phố - Hội nghị GV dạy các môn thi tốt nghiệp lớp 12	Đảng ủy,TTCM BGH, BDS, ĐTN GV dự thi TCM HĐKH, tổ BGH BGH, BDS BGH, VP Liên tịch Nhóm GVTD BGH
03/2027	- Tổ chức hoạt động GDTN,HN; GDĐP; chào mừng ngày 26/3 - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Họp chi bộ - Thi Olympic cụm LB-GL (Sẽ có kế hoạch riêng) - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ II - Tổ chức hoạt động chào mừng ngày 8/3; 26/3, tuần lễ áo dài VN - Kiểm tra hồ sơ toàn diện của GV - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 03/2027 - Thi đấu TDTT cấp thành phố - Báo cáo ba công khai về điều kiện tuyển sinh lớp 10 năm học 2027-2028 - Nghiệm thu đề tài SKKN cấp tổ, cấp trường	Ban GDĐĐ,CN Đảng ủy,TTCM BGH, GV BGH BDS, ĐTN Ban KTNB Liên tịch Nhóm GVTD HĐTS HĐKH, Tổ

	- Hợp Ban đại diện CMHS và hợp CMHS khối 12 - Đoàn thanh niên; tổ CM giao lưu với đơn vị kết nghĩa	BGH, GVCN, PH ĐTN, TTCM
04/2027	- Tổ chức hoạt động chào mừng ngày 30/4 - Kiểm tra chuyên môn; Sinh hoạt chuyên môn (2 lần); Hợp chi bộ - Tổ chức “ Ngày sách Việt Nam” - Kiểm tra, đánh giá học kỳ II; khảo sát chất lượng K12, 11 lần thứ II (theo kế hoạch KTKS của Sở GDĐT) - Đánh giá xếp loại viên chức tháng 04/2027 - Chuẩn bị các điều kiện tuyển sinh, thi tốt nghiệp THPT năm 2027	Ban GDĐD,CN Đảng ủy,TTCM Tổ Văn PHT,TT,NT Liên tịch HĐTS
05/2027	- Tổ chức hoạt động chào mừng ngày 19/5 - Sơ kết 1 năm thực hiện Chỉ thị 07 - Sơ kết các chương trình thi đua, nộp các báo cáo về Sở trước ngày 05/6 - Hoàn thành kiểm tra, đánh giá HKII, hồ sơ các loại - Hội nghị tổng kết năm học tổ, trường - Hội nghị CMHS, hội nghị đại biểu học sinh lớp 10,11 - Hợp HĐTĐKT, Đánh giá xếp loại viên chức tháng 5/2027 và năm học - Ôn tập thi tốt nghiệp cho HS khối 12 - Lễ Bế giảng và ra trường HS Khối 12 năm học 2026 -2027 - Kiểm tra khảo sát khối 12 lần thứ III - Coi, chấm thi tuyển sinh lớp 10 năm 2027 - 2028 - Xây dựng kế hoạch hoạt động hè 2027	Ban GDĐD,CN BCĐ 07 BGH BGH,BKTNB BGH, TTCM Ban ĐDCMHS HĐTĐKT, LT GV dạy K12 BGH, PHHS PHT,TT,NT Theo QĐ BCĐ hè 2027
06/2027	- Nghỉ hè 2027, tổ chức du lịch cho cán bộ, viên chức - Coi, chấm thi tốt nghiệp THPT năm 2027	BGH, CĐ Theo QĐ
07/2027	- Sinh hoạt hè 2027 - Tuyển sinh lớp 10 năm học 2027 - 2028 - Hoạt động nhân ngày 27/7	BCĐ hè 2027 HĐTS BGH, ĐTN
08/2027	- Sinh hoạt hè 2027 - BGH làm việc với các tổ chuyên môn, công tác về năm học 2027 - 2028 - Chuẩn bị khai giảng năm học mới 2027 – 2028 - Hợp tổ về công tác chuẩn bị năm học 2027 -2028 - Hội nghị Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2027 -2028 - Hội nghị GVCN lần 1 năm học 2027 -2028 - BGH làm việc với các Trung tâm về ngoại ngữ liên kết	BCĐ hè 2027 BGH,TTCM BTC Tổ trưởng, GV BGH, CB,GV,NV BGH, GVCN BGH, TTNN

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN

Thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học 2026 – 2027 của trường THPT Nguyễn Gia Thiều

(Theo Hướng dẫn số 259/HD-THPT NGT ngày 22/8/2026 của trường THPT Nguyễn Gia Thiều)

1. Thời gian tựu trường: Tựu trường sớm nhất trước 01 tuần so với ngày tổ chức khai giảng. Riêng đối với lớp 12 tựu trường sớm nhất trước 02 tuần so với ngày tổ chức khai giảng

2. Ngày Khai giảng năm học: ngày 05/9 hằng năm

3. Kết thúc học kỳ I trước ngày 18 tháng 01 hằng năm, hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31 tháng 5 hằng năm.

4. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

- Kế hoạch thời gian năm học của Nhà trường phải bảo đảm đủ 35 tuần thực học (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần).

- Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hằng năm.

- Thời gian nghỉ phép năm của giáo viên được thực hiện trong thời gian nghỉ hè hoặc có thể được bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm theo Quy định của Sở GDĐT Hà Nội.

5. Khung thời gian thực hiện hằng năm

5.1. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ I:

- Tuần thứ 8 hằng năm kiểm tra, đánh giá theo lớp đối các môn: Lí, Hoá, Địa, KT&PL, Công nghệ, Tin học, QP&AN, HĐGDTN,HN, Âm nhạc, Mỹ thuật.

- Tuần thứ 9 hằng năm kiểm tra, đánh giá theo lớp đối các môn: Sinh, Anh, Sử, GDTC, GDĐP, Ngoại ngữ 2; Riêng môn Toán; Văn kiểm tra theo phòng thi được bố trí phù hợp vào tuần 8 hoặc 9;

5.2. Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I

- Tuần thứ 16 hằng năm: Tiến hành kiểm tra theo lớp đối các môn Công nghệ; Tin học, Lí, Hoá, Sinh, Sử, GDTC, GDQP, Ngoại ngữ 2, HĐGDTNHN, GDĐP. Giáo viên tự bố trí kiểm tra theo Thời khóa biểu của lớp và kế hoạch của Trường.

- Tuần thứ 17 hằng năm: Kiểm tra hình thức tập trung theo phòng thi gồm các môn Toán; Văn, Anh; Lí; Hóa; Sinh đối với các lớp A; Toán; Văn, Anh; Sử; Địa; KT&PL đối với các lớp D.

5.3. Kết thúc học kỳ I: Trước ngày 18/01 hằng năm

5.4. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ II

- Tuần thứ 25 hằng năm kiểm tra, đánh giá theo lớp đối các môn: Lí, Hoá, Địa, KT&PL, Công nghệ, Tin học, QP&AN, HĐGDTN,HN, Âm nhạc, Mỹ thuật;

- Tuần thứ 26 hằng năm kiểm tra, đánh giá theo lớp đối các môn: Sinh, Anh, Sử, GDTC, GDĐP, ngoại ngữ 2; Riêng môn Toán; Văn kiểm tra theo phòng thi được bố trí phù hợp vào tuần 25 hoặc 26;

5.5. Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II

- Tuần thứ 32 hằng năm: Tiến hành kiểm tra theo lớp đối các môn Công nghệ; Tin học, Lí, Hoá, Sinh, Sử, GDTC, GDQP, Ngoại ngữ 2, HĐGDTN, HN, GDĐP. Giáo viên tự bố trí kiểm tra theo Thời khóa biểu của lớp và kế hoạch của Trường.

- Tuần thứ 33 hằng năm: Kiểm tra hình thức tập trung theo phòng thi gồm các môn Toán; Văn, Anh; Lí; Hóa; Sinh đối với các lớp A; Toán; Văn, Anh; Sử; Địa; KT&PL đối với các lớp D.

5.6. Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5 hằng năm

5.7. Thi tốt nghiệp THPT vào ngày 11, 12/6 hằng năm

5.8. Thi tuyển sinh 10 hoàn thành trước ngày 31/7 hằng năm

6. Các ngày nghỉ trong năm

- Các ngày nghỉ lễ, tết trong năm học thực hiện theo quy định của Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội;

- Thời gian nghỉ phép đối với giáo viên được thực hiện trong thời gian nghỉ hè hoặc có thể được bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm học để phù hợp với đặc điểm cụ thể và kế hoạch thời gian năm học.

Phụ lục III. 1

Khung chương trình GDPT 2018 - Tổ hợp KHTN

TT	Nội dung giáo dục		Số tiết/năm/lớp				
	Nhóm môn	Môn học	TS tiết	Tiết/Tuần	Lớp TN1	Lớp TN2	Lớp TN3
1	Bắt buộc	Toán	105	3	3	3	3
2		Ngữ Văn	105	3	3	3	3
3		Ngoại ngữ (Anh)	105	3	3	3	3
		Lịch sử	52	1.5	1.5	1.5	1.5
4		GDTC	70	2	2	2	2
5		GDQP-AN	35	1	1	1	1
			472	13.5	13.5	13.5	13.5
Môn học lựa chọn							
6	Nhóm KHTN	Vật lí	70	2	2	2	2
7		Hoá học	70	2	2	2	2
8		Sinh học	70	2	2	2	2
10	Nhóm KHXH	Địa lí	70	2	0	0	0
11		GDKT&PL	70	2	0	0	0
12	Nhóm C. nghệ và nghệ thuật	Công nghệ (CN)	70	0	0	2	0
		Công nghệ (NN)		2	0	0	2
13		Tin học	70	2	2		0
14		Âm nhạc	70	2	0	0	0
15		Mĩ thuật	70	2	0	0	0
		630	18	8	8	8	8
16	Chuyên đề HT lựa chọn	3 cụm CĐ	105	3	3	3	3
		Toán	1	1	1	1	1
		Vật lí	1	1	1		0
		Hoá học	1	1	1	1	1
		Sinh học			1	1	
17	Hoạt động GD bắt buộc	HĐTN,HN	105	3	3	3	3
18	GD địa phương		35	1	1	1	1
			245	7	7	7	7
Môn học tự chọn							
19	Ngoại ngữ liên kết	Anh (Quốc tế)	210	6	Được thiết kế riêng		
20		Đức	105	3			
21		Hàn	105	3			
22		Nhật	105	3			
23		Trung	105	3			
24		Nga/Pháp	105	3			
Tổng số tiết /năm học (không kể các môn tự chọn)			1015		997.5	997.5	997.5
Số tiết học/ tuần (không kể các môn tự chọn)					28.5	28.5	28.5

Phụ lục III.2

Khung chương trình GDPT 2018 - Tổ hợp KHXH

TT	Nội dung giáo dục		Số tiết/năm/lớp				
	Nhóm môn	Môn học	TS tiết	Tiết/Tuần	Lớp XH1	Lớp XH2	Lớp XH3
1	Bắt buộc	Toán	105	3	3	3	3
2		Ngữ Văn	105	3	3	3	3
3		Ngoại ngữ 1	105	3	3	3	3
4		Lịch sử	52	1.5	1.5	1.5	1.5
5		GDTC	70	2	2	2	2
6		GDQP-AN	35	1	1	1	1
			472	13.5	13.5	13.5	13.5
	Môn học lựa chọn						
7	Nhóm KHTN	Vật lí	70	2	2	0	0
8		Hoá học	70	2	0	2	0
9		Sinh học	70	2	0	0	2
10	Nhóm KHXH	Địa lí	70	2	2	2	2
11		GDKT&PL	70	2	2	2	2
12	Nhóm C. nghệ và nghệ thuật	Công nghệ (CN)	70		2		
		Công nghệ (NN)	70	2	0	2	2
13		Tin học	70	2	0	0	0
14		Âm nhạc	70	2	0	0	0
15		Mĩ thuật	70	2	0	0	0
			700	18	8	8	8
16	Chuyên đề HT lựa chọn	3 cụm CD	105	3	3	3	3
		Văn	1	1	1	1	1
		Sử	1	1	1	1	1
		Toán	1	1	1	1	1
17	Hoạt động GD bắt buộc	HĐTN,HN	105	3	3	3	3
18	GD địa phương		35	1	1	1	1
			245	7	7	7	7
	Môn học tự chọn						
19	Ngoại ngữ liên kết	Anh (Quốc tế)	105	3	Được thiết kế riêng		
20		Đức	105	3			
21		Hàn	105	3			
22		Nhật	105	3			
23		Trung	105	3			
24		Nga/Pháp	105	3			
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn tự chọn)					997,5	997,5	997,5
Số tiết học/ tuần (không kể các môn tự chọn)					28.5	28.5	28.5

Phụ lục III.3

Khung chương trình GDPT 2018 - Tổ hợp Năng khiếu

TT	Nội dung giáo dục		Số tiết/năm/lớp			
	Nhóm môn	Môn học	TS tiết	Tiết/Tuần	Lớp NK1	Lớp NK2
1	Bắt buộc	Toán	105	3	3	3
2		Ngữ Văn	105	3	3	3
3		Ngoại ngữ 1	105	3	3	3
4		GDTC	70	2	2	2
5		GDQP-AN	35	1	1	1
6		Lịch sử	52	1.5	1.5	1.5
			472	13.5	13.5	13.5
	Môn học lựa chọn					
7	Nhóm KHTN	Vật lí	70	2	0	2
8		Hoá học	70	2	2	0
9		Sinh học	70	2	0	0
10	Nhóm KHXH	Địa lí	70	2	0	0
11		GDKT&PL	70	2	0	0
12	Nhóm C. nghệ và nghệ thuật	Công nghệ (CN)	70	2	2	2
		Công nghệ (NN)	70	0	0	0
13		Tin học	70	2	2	2
14		Âm nhạc	70	2	2	0
15		Mĩ thuật	70	2	0	2
			700	18	8	8
16	Chuyên đề HT lựa chọn	3 cụm CĐ	105	3	3	3
		Toán	1	1	1	1
		Ngữ Văn	1	1	1	1
		Lí/Hóa	1	1	1	1
17	Hoạt động GD bắt buộc	HĐTN,HN	105	3	3	3
18	GD địa phương		35	1	1	1
			245	7	7	7
19	Ngoại ngữ liên kết	Anh (Quốc tế)	210	6	Được thiết kê riêng	
20		Đức	105	3		
21		Hàn	105	3		
22		Nhật	105	3		
23		Trung	105	3		
24		Nga/Pháp	105	3		
	Tổng số tiết /năm học (không kể các môn tự chọn)				997.5	997.5
	Số tiết học/ tuần (không kể các môn tự chọn)				28.5	28.5